

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03 – 3 – 2022

“Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Vệ

Ông Nguyễn Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022. Về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Văn Đ, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Vĩ, xã Tam Giang, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Bảo Vĩ, xã Tam Giang, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 19/01/2022 và các lời khai của nguyên đơn anh Hồ Văn Đ trình bày:

Anh Đ và chị Phùng Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không ai chịu nhường nhịn ai và hiện nay tôi không còn tình cảm với chị H. Cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung giữa vợ chồng không thể kéo dài và không thể hàn gắn được nên nay tôi yêu cầu được ly hôn chị Phùng Thị H.

Về con chung có 03 người con tên: Hồ Minh Th, sinh ngày 31/01/2009 hiện đang ở với chị H, sau khi ly hôn tôi đồng ý tiếp tục giao cho chị H nuôi dưỡng và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Hồ Văn T, sinh năm 1995 và

cháu Hồ Văn Ph, sinh năm 1999 đã lớn khôn và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về T sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Phùng Thị H trình bày:* Về phần hôn nhân về thời gian kết hôn như anh Hồ Văn Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không ai chịu nhường nhịn ai, mạnh ai nấy lo. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Hồ Văn Đ.

Về con chung có 03 người con tên: Hồ Minh Th, sinh ngày 31/01/2009 hiện đang ở với tôi, sau khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đối với cháu Hồ Văn T, sinh năm 1995 và cháu Hồ Văn Ph, sinh năm 1999 đã lớn khôn và không bị mất năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về T sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

TÒA ÁN NHẬN Đ:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Tranh chấp giữa anh Hồ Văn Đ và chị Phùng Thị H là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do chị H có địa chỉ tại ấp Bảo Vĩ, xã Tam Giang, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Ngọc H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy Đ tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh Đ và chị H xác lập quan hệ hôn nhân năm 1994 không có đăng ký kết hôn, theo quy Đ của pháp luật nên hôn nhân của anh Đ và chị H không được pháp luật thừa nhận theo quy Đ tại khoản 1 Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/QH-NQ 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của anh Đ và chị H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Đ trình bày vợ chồng chung sống có 03 người con chung tên Hồ Văn T, sinh năm 1995, cháu Hồ Văn Ph, sinh năm 1999 và Hồ Minh Th, sinh ngày 31/01/2009 hiện nay đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn anh Đ yêu cầu giao cho chị H nuôi cháu Hồ Minh Th, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Hồ Văn T, Hồ Văn Ph đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày và các T liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho cháu Hồ Minh Th thì chị H có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Th đã sống chung với chị H từ nhỏ, ổn Đ cuộc sống, tinh thần đồng thời phù hợp với đơn trình bày cháu Th ngày 14/02/2022 có nguyện vọng muốn được ở với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh Đ là cha của các cháu Hồ Minh Th vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đ, chị H không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về T sản chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có T sản chung, chị H không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về T sản thì anh Đ và chị H có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia T sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ chung, chị H không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Áp dụng: Các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy Đ về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Hồ Văn Đ và chị Phùng Thị H là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị H được tiếp tục nuôi cháu Hồ Minh Th, sinh ngày 31/01/2009.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Hồ Văn Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Đ có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019928 ngày 24/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc H. Anh Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai anh Đ, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- CC THA huyện Ngọc H;
- Dương sự;
- UBND xã Tam Giang Tây;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính

